CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VNDIRECT

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 3
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 3
Điều 1. Định nghĩa 3
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 4
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY 5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 5
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán của Công ty 6
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty 7
Điều 7. Các quy định hạn chế 9
Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ 9
Điều 9. Các quy định về bảo mật thông tin 9
Điều 10. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp 10
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 10
Điều 11. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 10
Điều 12. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần 11
Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông 12
Điều 13a. Chứng quyền có bảo đảm và quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm 12
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần 13
Điều 15. Thu hồi cổ phần 13
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT 14
Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý 14
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 14
Điều 17. Quyền của cổ đông 14
Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông 15
Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông 15
Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông 17
Điều 21. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông 20
Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông 21
Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 23
Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 24
Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 26
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 27
Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 27
Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 28
Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 33. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế 31
Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 32
Điều 34a. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, không điều hành 35
Điều 34b. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị 35
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY 36

Điều 35. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc 36
Điều 36. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc, miễn nhiệm/bãi nhiệm Tổng Giám đốc 37
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Tổng Giám đốc 37
Điều 38. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty 38
Điều 38a. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc 39
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ 40
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý 40
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 40
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 41
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT 42
Điều 42. Ban kiểm soát 42
Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát 43
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 44
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 44
CHƯƠNG XII. CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 44
Điều 45. Cán bộ, nhân viên và Công đoàn 44
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN 45
Điều 46. Cổ tức 45
Điều 47. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận 45
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 46
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 46
Điều 49. Trích lập các quỹ theo quy định 46
Điều 50. Năm tài khóa 46
Điều 51. Hệ thống kế toán 46
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG 46
Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 46
Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng 47
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 47
Điều 54. Kiểm toán 47
CHƯƠNG XVII. CON DẤU 48
Điều 55. Con dấu 48
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ 48
Điều 56. Chấm dứt hoạt động 48
Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Cổ đông 48
Điều 58. Thanh lý 48
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 49
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ 49
CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 49
Điều 60. Sửa đổi bổ sung Điều lệ 49
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC 50
Điều 61. Hiệu lực 50
Điều 62. Ký xác nhận 50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT (dưới đây gọi là "Công ty") được thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty tại phiên họp ngày 30/6/2020.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1.1. Trong Điều lệ này, trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 22/UBCK-GPHĐKD do Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 16/11/2006.

b. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

c. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

d. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

e. "Cổ đông" có nghĩa là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

f. "Hội đồng quản trị" hoặc "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;

g. "Ban kiểm soát" có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;

h. "Pháp luật" có nghĩa là là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và/hoặc trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân;

i. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

j. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán đang có hiệu lực của Việt Nam;

k. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

l. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo ủy quyền của HĐQT.

m. "Cán bộ quản lý" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành vận hành, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được bổ nhiệm bởi Hội đồng quản trị tại từng thời điểm;

n. "Người có liên quan" là Người có liên quan được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

o. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

p. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

q. "UBCKNN" được hiểu là Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước;

r. "SGDCK" được hiểu là các Sở giao dịch chứng khoán của Việt nam;

s. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

1.2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty

a. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

b. Tên giao dịch: VNDIRECT SECURITIES CORPORATION

c. Tên viết tắt: VNDIRECT

2.2. Hình thức pháp lý của công ty: Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a. Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

b. Điện thoại: 024.39410510 Fax: 024.39410500

c. Email: support@vndirect.com.vn

d. Trang thông tin điện tử (website): www.vndirect.com.vn

e. Logo của Công ty: VNDIRECT

f. Việc thay đổi trụ sở chính do Hội đồng Quản trị quyết định và phải được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

2.4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm Giám đốc tài chính hoặc một Phó tổng giám đốc làm người đại diện theo pháp luật thứ ba của Công ty và quy định cụ thể quyền hạn, nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật này.

Hội đồng quản trị quy định và phân công nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của từng người đại diện theo pháp luật phù hợp với Điều lệ, quy định của pháp luật và hoạt động thực tế của Công ty.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị, không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, có quyền đại diện Công ty trong các công việc/hoạt động, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các công việc/hoạt động, giao dịch khác theo phân công của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Khoản 32.2.l Điều 32 Điều lệ này.

c. Tổng giám đốc có các quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các công việc/hoạt động, giao dịch của Công ty (trừ các công việc/hoạt động, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị có quy định khác). Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Khoản 37.1 Điều 37 Điều lệ này.

d. Người đại diện theo pháp luật đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là Tổng Giám đốc.

e. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ nhiệm/từ chức, bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế, mất năng lực hành vi hoặc bị tước quyền hành nghề:

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

2.5. Chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch:

Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản.

2.5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 56, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập và là vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ HẠN CHẾ ĐỐI VỚI CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

3.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT được thành lập để kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Pháp luật nhằm mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2 Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 3.1 Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của kinh doanh của Công ty bao gồm:

a. Môi giới chứng khoán;

b. Tự doanh chứng khoán;

c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

d. Tư vấn đầu tư chứng khoán;

e. Các nghiệp vụ kinh dianh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Công ty thực hiện các hoạt động và cung cấp tất cả các sản phẩm, dịch vụ mà pháp luật cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

a. Nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân; thực hiện phân phối hoặc làm đại lý phân phối chứng khoán; quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán; cung ứng dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán cho các doanh nghiệp khác;

b. Cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh.

c. Giao dịch chứng khoán trên tài khoản tự doanh chứng khoán và được đầu tư, góp vốn, phát hành, chào bán các sản phẩm tài chính.

d. Cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán, thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán; đại lý lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng chứng khoán; tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, mua bán doanh nghiệp; tư vấn quản trị, tư vấn chiến lược doanh nghiệp; tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán; tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp.

e. Cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

f. Cung cấp dịch vụ tài chính và các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.3. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

4.4. Công ty có thể tiến hành thay đổi hoặc bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động kinh doanh quy định tại Khoản 4.1 và Khoản 4.2 Điều này sau khi được sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành và kinh doanh chứng khoán của Công ty

5.1 Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành của Công ty:

5.1.1 Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT quản lý và phân chia quyền lợi, trách nhiệm theo nguyên tắc sở hữu chung theo phần và tuân thủ Pháp luật.

5.1.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng Cổ đông.

5.1.3 Đại hội đồng Cổ đông bầu Hội đồng Quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban Kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành Công ty giữa các kỳ Đại hội Cổ đông.

5.1.4 Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty là Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

5.2 Nguyên tắc hoạt động của Công ty:

5.2.1 Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các pháp luật khác;

5.2.2 Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

5.2.3 Liêm trực và thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng;

5.2.4 Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;

5.2.5 Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết khác để thực hiện hoạt động kinh doanh chứng khoán và ban hành bằng văn bản các quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh phù hợp;

5.2.6 Chỉ được đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng;

5.2.7 Phải thận trọng không được tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và/hoặc áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

5.2.8 Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

6.1 Quyền của Công ty:

6.1.1 Quyền tự chủ kinh doanh của Công ty:

a. Ký hợp đồng với khách hàng về giao dịch chứng khoán, đăng ký và lưu ký chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật;

b. Thực hiện thu phí theo các mức phí, lệ phí do Bộ Tài chính quy định;

c. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;

d. Tổ chức bộ máy quản lý và nhân sự, tổ chức kinh doanh phù hợp với mục đích, nội dung hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;

e. Chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh đã đăng ký;

f. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;

g. Quyết định mở, sáp nhập hoặc đóng cửa Chi nhánh, Văn phòng đại diện Công ty theo các quy định hiện hành.

h. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

i. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

6.1.2 Quyền quản lý tài chính Công ty:

a. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và sinh lãi;

b. Sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ hiện hành về quản lý ngoại hối;

c. Có quyền đề nghị khách hàng cung cấp các thông tin về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi có quyết định quan hệ giao dịch với khách hàng và có quyền từ chối các quan hệ đó nếu thấy trái Pháp luật, không đem lại hiệu quả hoặc không có khả năng thực hiện;

d. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

e. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.

6.2 Nghĩa vụ của Công ty:

6.2.1 Nghĩa vụ trong quản lý kinh doanh của Công ty:

a. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

b. Quản lý tách biệt chứng khoán của từng nhà đầu tư, tách biệt tiền và chứng khoán của nhà đầu tư với tiền và chứng khoán của Công ty.

c. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.

d. Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty.

e. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.

f. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật và sơ suất của nhân viên trong Công ty.

g. Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty.

h. Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.

i. Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.

j. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và chế độ báo cáo theo quy định của Bộ Tài chính;

k. Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán;

l. Kinh doanh theo ngành nghề và các loại hình kinh doanh ghi trong giấy phép;

m. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về Lao động, tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo Pháp luật về Công đoàn;

6.2.2 Nghĩa vụ trong quản lý tài chính của Công ty:

a. Tự chủ tài chính, tự bảo đảm chi phí, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của Công ty;

b. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

c. Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và

thanh toán chứng khoán;

d. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ khác với Nhà nước theo quy định của Pháp luật;

e. Tuân thủ các quy định đảm bảo vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 7. Các quy định hạn chế

7.1 Quy định hạn chế đối với Công ty:

7.1.1. Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;

7.1.2. Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;

7.1.3. Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;

7.2 Quy định hạn chế đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:

7.2.1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty chứng khoán nơi mình đang làm việc;

7.2.2. Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ khác;

7.2.3. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.

7.2.4. Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính Công ty;

7.2.5. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;

Điều 8. Các quy định về kiểm soát nội bộ

8.1. Quy trình kiểm soát nội bộ được lập chính thức bằng văn bản và được công bố trong nội bộ Công ty.

8.2. Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ quy định về kiểm soát nội bộ.

8.3. Định kỳ Công ty tiến hành kiểm tra và hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

8.4. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ được tuân thủ, định kỳ báo cáo kết quả lên Tổng Giám đốc Công ty để hoàn thiện các biện pháp kiểm soát nội bộ.

Điều 9. Các quy định về bảo mật thông tin

9.1 Công ty phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.

9.2 Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:

9.2.1 Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

9.2.2 Khách hàng của Công ty muốn biết thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của chính họ;

9.2.3 Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Điều 10. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

10.1 Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp phải được ban hành và công bố rộng rãi trong Công ty.

10.2 Mọi nhân viên của Công ty đều phải tuân thủ nghiêm ngặt Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

10.3 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Lãnh đạo và nhân viên Công ty.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 11. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

11.1 Vốn điều lệ của Công ty là 2.204.301.690.000 VNĐ (Hai nghìn hai trăm linh bốn tỷ ba trăm linh một triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam). Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 220.430.169 cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng/01cổ phần.

11.2 Công ty phải luôn duy trì mức vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định theo qui định của Pháp luật. Trường hợp vốn điều lệ thấp hơn vốn pháp định, Công ty tiến hành bổ sung vốn điều lệ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

11.3 Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật .

11.4 Vốn điều lệ của Công ty được điều chỉnh tăng trong các trường hợp sau:

11.4.1 Phát hành cổ phiếu mới để huy động thêm vốn theo quy định của pháp luật;

11.4.2 Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần;

11.4.3 Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;

11.4.4 Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ.

11.5 Việc giảm vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

11.6 Sau khi tăng, hoặc giảm Vốn Điều lệ, Công ty phải đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và công bố vốn điều lệ mới của Công ty theo quy định của pháp luật.

11.7 Công ty không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.

11.8 Cổ phần của Công ty tại ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ đi kèm của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 17 và Điều 18.

11.9 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

11.10 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán

cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

11.11 Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các quy định Pháp luật có liên quan khác.

11.12 Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

11.13 Cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập khác trong công ty. Các cổ đông khác là thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông giữ chức vụ Tổng Giám đốc công ty cũng phải tuân thủ các hạn chế tại điều này.

Điều 12. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

12.1 Cổ đông sở hữu cổ phần chưa lưu ký của Công ty được cấp Giấy chứng nhận Cổ đông để ghi nhận quyền sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần Cổ đông sở hữu.

12.2 Giấy chứng nhận Cổ đông phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty. Giấy chứng nhận Cổ đông phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

12.3 Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp Giấy chứng nhận Cổ đông. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in Giấy chứng nhận Cổ đông hoặc bất kỳ một khoản phí gì cho việc cấp Giấy chứng nhận Cổ đông lần đầu nhưng có thể phải thanh toán phí chuyển nhượng theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc của tổ chức dịch vụ quản lý Cổ đông hoặc/và tổ chức lưu ký cho các lần chuyển nhượng sau.

12.4 Trường hợp Giấy chứng nhận Cổ đông bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì Cổ đông được công ty cấp lại Giấy chứng nhận Cổ đông theo đề nghị của Cổ đông đó và Cổ đông có thể phải trả một khoản phí cấp lại Giấy chứng nhận Cổ đông theo quy định của Hội đồng quản trị. Đề nghị của Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

12.4.1 Giấy chứng nhận Cổ đông thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu huỷ;

12.4.2 Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận Cổ đông mới;

12.4.3 Đối với Giấy chứng nhận Cổ đông có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận Cổ đông mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu Giấy chứng nhận Cổ đông đăng thông báo về

việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Giấy chứng nhận Cổ đông mới.

12.5 Cho dù có quy định tại Điều 12.4 trên đây, Cổ đông phải gìn giữ Giấy chứng nhận Cổ đông cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhoè, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Giấy chứng nhận Cổ đông và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp Giấy chứng nhận Cổ đông này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

12.6 Tại từng thời điểm, Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông miễn rằng hình thức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

12.7 Chứng chỉ chứng khoán khác: Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 13. Sổ đăng ký cổ đông

13.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

13.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu như sau:

13.2.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

13.2.2 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là pháp nhân;

13.2.3 Giá trị vốn góp tại thời điểm góp vốn và phần vốn góp của từng thành viên, thời điểm góp vốn; số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

13.2.4 Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

13.2.5 Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

13.3 Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do công ty quyết định có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

13.4 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính hoặc được lưu giữ tại Trung tâm Lưu ký.

Điều 13a. Chứng quyền có bảo đảm và quyền của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là hợp đồng giữa nhà đầu tư và Công ty được định nghĩa theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có bảo đảm, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty.

Người sở hữu chứng quyền có bảo đảm có các quyền sau đây:

- Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty khi phát hành;
- Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền có bảo đảm bị hủy niêm yết theo quy định pháp luật;
- Quyền chuyển nhượng, cho tặng, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp trong các quan hệ dân sự kinh tế theo quy định pháp luật;

- Quyền được ưu tiên thanh toán khi Công ty giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

14.1 Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị và/hoặc Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và/hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán.

14.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

14.3 Trừ khi cổ phần của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc Hội đồng quản trị có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện theo thủ tục do Hội đồng quản trị quy định và phải được đại diện theo pháp luật của Công ty xác nhận. Việc chuyển nhượng cổ phần sẽ được ghi nhận đồng thời trên Sổ chứng nhận Cổ đông và Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty. Bên nhận chuyển nhượng chỉ được coi là chủ sở hữu cổ phần và trở thành Cổ đông của Công ty khi các thông tin về Cổ đông và cổ phần được ghi nhận đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty.

Điều 15. Thu hồi cổ phần

15.1. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi đối với số cổ phần mà Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền mua cổ phần.

15.2. Hội đồng quản trị có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thông báo yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

15.3. Trường hợp Hội đồng quản trị ra thông báo nêu tại Điều 15.2 thì phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo này không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó

15.4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

15.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

15.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

a. Đại hội đồng Cổ đông;

b. Hội đồng quản trị;

c. Ban Tổng Giám đốc;

d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17. Quyền của cổ đông

17.1 Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào Công ty.

17.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp Điều lệ này, Pháp luật hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị có quy định khác;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng Cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và/hoặc Điều lệ này.

17.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 30.2, Điều 30.3 và Điều 42.2, Điều 42.3 của Điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại Luật doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

17.4 Các quyền của các Cổ đông sở hữu các loại cổ phần khác sẽ do nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông quy định.

Điều 18. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

18.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị;

18.2 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua đầy đủ và đúng hạn;

18.3 Góp đủ, đúng hạn số vốn, cổ phần đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty.

18.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

18.5 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

18.6 Chịu trách nhiêm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện bất kỳ hành vi nào bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi sau:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

18.7 Nghĩa vụ của cổ đông lớn của công ty có cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán: Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, Uỷ ban Chứng khoán Nha nước và Sở Giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết. Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật khi thực hiện giao cổ phiếu của Công ty.

Điều 19. Đại hội đồng Cổ đông

19.1 Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Đại hội đồng Cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

19.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

19.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này yêu cầu bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

19.4 Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điều 19.3 (c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 19.3 (d) hoặc Điều 19.3 (e).

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19.3 (a) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 19.4 (b) thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 19.3 (d) có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 19.4 (c) sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng Cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 20. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông

20.1 Đại hội đồng Cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Báo cáo tài chính (kiểm toán) hàng năm;

b. Báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

20.2 Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị;

c. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao và chính sách thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

h. Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần từng loại được quyền phát hành;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;

l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Các hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp mà có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

p. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

q. Các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty;

20.3 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng hoặc giao dịch quy định tại Điều 39 Điều lệ này khi Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó.

20.4 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông.

20.5 Các thông tin, thông báo của Công ty tới Cổ đông có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi văn bản bằng thư bảo đảm, điện thoại, gửi fax, gửi email hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Các thông báo hoặc thông tin của Công ty đến các Cổ đông có thể được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) trên các tờ báo (gồm cả báo điện tử) của trung ương hoặc địa phương.

Điều 21. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

21.1 Các Cổ đông có thể uỷ quyền cho một người khác đại diện của mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

21.2 Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và/hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

21.3 Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

22.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty và/hoặc danh sách người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam xác nhận. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận danh sách cổ đông dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

22.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết

định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

22.3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị.

Điều 23. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

23.1 Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông, hoặc Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 19.4(b) hoặc Điều 19.4(c).

23.2 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

23.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi cho Cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi thư qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm (hoặc thư báo phát) hoặc phương thức khác bảo đảm tới địa chỉ liên lạc của Cổ đông. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó.

Đối với các Cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, hoặc 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông. Thông báo họp đại hội đồng cổ đông công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty có giá trị như Thông báo mời họp được gửi tận nơi đối với các các trường hợp sau đây: (i) cổ đông có địa chỉ không rõ ràng, hoặc (ii) cổ đông mà Công ty không có đủ thông tin địa chỉ để thực hiện gửi thông

báo cho cổ đông; (iii) thông báo đã gửi cho cổ đông theo đúng địa chỉ nhưng bị trả về Công ty do không có người nhận.

Thông báo họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng Cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

23.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 17.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

23.5 Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều 23.4 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

23.6 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

23.7 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 24. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

24.1 Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% phiếu biểu quyết.

24.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành (không có đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc) thì được triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ hai trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất.Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

24.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành (do không có đủ số cổ đông cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc), Đại hội đồng Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành họp đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Hội đồng quản trị có thể thông báo về ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai (nếu đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành) và/hoặc ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba (nếu đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành) trong cùng Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

24.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng Cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 23.3 của Điều lệ này.

24.5 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp như sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.;

c. Ủy quyền cho người khác dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

14.6. Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông tại đồng thời nhiều hơn một địa điểm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo nguyên tắc: (i) Phải có một địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông tại thành phốCông ty đặt trụ sở chính; Địa điểm tổ chức họp này sẽ là địa điểm trung tâm và là nơi Chủ tọa tham dự họp; (ii) Các địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông phải được kết nối trực tuyến với nhau, và tất cả các địa điểm họp phải được thông báo tới cổ đông; (iii) Cổ đông có quyền đăng ký tham dự họp tại bất kỳ một trong số những địa điểm họp. Số lượng cổ đông tham dự họp và kết quả biểu quyết sẽ được tập hợp từ tất cả các địa điểm họp; (iv) Tại mỗi địa điểm phải có Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu riêng và được bầu bởi chính các cổ đông tham dự họp tại địa điểm họp đó.

Điều 25. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông

25.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông kể từ thời điểm có mặt. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

25.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa hoặc số hóa để việc việc biểu quyết và/hoặc kiểm phiếu có thể được thực hiện dựa trên sử dụng phần mềm máy tính hoặc phương tiện công nghệ, kỹ thuật số.

25.3 Việc biểu quyết và kiểm phiếu được thực hiện theo các phương thức sau đây: (i) Kiểm phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng là tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến; hoặc (ii) bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kỹ thuật số; hoặc (iii) theo phương thức khác theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông và/hoặc được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

25.4 Đại hội đồng Cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng Cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

25.5 Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

25.6 Chủ toạ Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của đại hội hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc. Đại hội đồng Cổ đông họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.

25.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều 25.6, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

25.8 Chủ toạ hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

25.9 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng Cổ đông.

25.10 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

25.11 Trong trường hợp tại Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 25.10, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

25.12 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

25.13 Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng Cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 26. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

26.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, và không thuộc trường hợp quy định tại Điểm 26.1.b dưới đây.

b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

26.2 Trừ trường hợp quy định tại Điều 26.3 và Điều 26.4, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành.

26.3 Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành: việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty.

26.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

26.5 Trường hợp cổ đông dự họp là người có liên quan không có quyền biểu quyết về một vấn đề thì việc biểu quyết để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề đó không tính số phiếu của cổ đông đó vào số phiếu có quyền biểu quyết.

26.6 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì: (i) Các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết biểu quyết tán thành: việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và tổng số cổ phần của từng loại; (ii) Các nghị quyết liên quan đến các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết biểu quyết tán thành: thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; (ii) các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu hợp lệ biểu quyết tán thành.

Điều 27. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

27.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

27.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến;

27.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

27.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về (gồm cả phiếu lấy ý kiến không thể gửi được đến cho cổ đông do không xác định được chính xác địa chỉ của cổ đông, địa chỉ cổ đông không đầy đủ, địa chỉ cổ đông cung cấp không đúng,....) được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

27.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

g. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

27.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

27.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

27.8 Nghị Quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 28. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

28.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Người chủ trì Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng Cổ đông và gửi cho tất cả các Cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Việc gửi Biên bản có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

28.2. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong vòng mười ngày làm việc, kể từ ngày thông qua các Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Biên bản họp có quy định cụ thể về thời hạn ra Nghị quyết khác với thời hạn nêu trên.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày hiệu lực được ghi rõ trong Nghị quyết đó.

Điều 29. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:

29.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

29.2Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 30. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

30.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

30.2 Thành viên của Hội đồng quản trị do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được quyền đề cử 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị, từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

30.3 Cổ đông sở hữu dưới 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30.2 của Điều lệ này.

30.4 Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và/hoặc trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, tài chính;

c. Không phải là Giám đốc/Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

d. Không được từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

e. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

30.5 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

30.6 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn từ chức;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

30.7 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

30.8 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

30.9 Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

30.10 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

Điều 31. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

31.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

31.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác.

31.3 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong phạm vi thẩm quyền;

g. Thông qua hợp đồng và giao dịch (mua, bán, vay, cho vay và giao dịch khác) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;

h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý quan trọng do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;

l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

o. Thiết lập và xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

p. Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

q. Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

r. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

s. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị xét thấy cần phải có sự chấp thuận để thực thi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

t. Thông qua/chấp thuận các hợp đồng và giao dịch của Công ty với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

u. Các quyền và nghĩa vụ khác do Pháp luật, Điều lệ này, và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định.

31.4 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

31.5 Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

31.6 Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

31.7 Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

31.8 Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương,

hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

31.9 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 32. Chủ tịch Hội đồng quản trị

32.1 Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Hội đồng quản trị có quyền bãi miễn chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị mà mình bầu ra.

32.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;

g. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;

h. Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;

j. Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

k. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;

l. Các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội hội đồng cổ đông, và/hoặc nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị Công ty. Cụ thể:

- Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty xác lập và thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật, đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng của Công ty với các cá nhân/tổ chức, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản của Công ty mở tại các tổ chức tín dụng;

- Quyết định đầu tư, bán tài sản, quyết định và ký các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và hợp đồng khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá

trị tài sản của Công ty trở lên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh mà Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyết định về mức lương, thù lao, các lợi ích khác, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
- Các quyền và nhiệm vụ khác của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Bộ luật dân sự, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

m. Điều hành Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư được Hội đồng quản trị và/hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

n. Phê duyệt đề xuất của các thành viên Ban Tổng Giám đốc về những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

o. Thay mặt Hội đồng quản trị quyết định hoặc phê duyệt đề xuất của thành viên Ban Tổng Giám đốc về các phương án cơ cấu tổ chức hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;

p. Được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình;

q. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Công ty nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị Công ty.

32.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

32.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông;

32.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 33. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

33.1 Thành viên Hội đồng quản trị (ngoại trừ người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

33.2 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định người này là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định người này vắng mặt, và được ủy quyền để thực hiện tất cả các chức năng

của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế nếu người này không có mặt tại Việt Nam.

33.3 Thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định người này không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng Cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

33.4 Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

33.5 Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 34. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

34.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến.

34.3 Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm Cán bộ quản lý khác;

b. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị trở lên;

c. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.

34.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điều 34.3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, trong trường hợp này những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 34.3 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

34.5 Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

34.6 Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

34.7 Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

34.8 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

34.9 Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điều 34.9(b), mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điều 34.9(d), khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 40.4(a) và Điều 40.4(b) của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

34.10 Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

34.11 Biểu quyết đa số. Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

34.12 Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

34.13 Lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể thông qua các nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, nội dung, trình tự, thủ tục được áp dụng tương tự như trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản quy định tại Điều 27 của Điều lệ này. Một nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải được tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

34.14 Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp.

34.15 Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc một số thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc một số thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban. Giá trị pháp lý của các nghị quyết được thông qua bởi các tiểu ban có giá trị pháp lý như các nghị quyết được thông qua bởi Hội đồng quản trị với điều kiện (i) các nội dung của nghị quyết này nằm trong phạm vi ủy quyền của Hội đồng quản trị cho tiểu ban đó, (ii) các nghị quyết này được thông qua bởi đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban chấp thuận và (iii) đa số thành của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị tham dự chấp thuận.

34.16 Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 34a. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, không điều hành

34a.1 Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quả trị không phải là Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật, Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

34a.2 Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 34b. Bộ phận Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

34b.1 Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận Kiểm toán nội bộ như sau:

a. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;

d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;

f. Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;

g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;

h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;

i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;

j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;

k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;

l. Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các Công ty con;

34b.2 Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

a. Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;

b. Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;

c. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

34b.3 Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:

a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;

b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

d. Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 35. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc

35.1. Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc (nếu có), Giám đốc Tài chính và các chức danh quản lý quan trọng khác do Hội đồng quản trị Công ty quy định.

35.2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Nếu nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức hết hạn mà Tổng Giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm Tổng Giám đốc mới được bổ nhiệm.

35.3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.

35.4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:

a. Quyền, trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;

b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;

c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

35.5. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

a. Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được trả theo quy định chung của công ty đối với người lao động.
- Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b. Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật;
- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 36. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc, miễn nhiệm/bãi nhiệm Tổng Giám đốc

36.1. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán;
- Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác;
- Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

36.2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ này và các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán;
- Có đơn xin từ chức;
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc, Thành viên Ban Tổng Giám đốc

37.1. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các công việc thuộc quyền và nghĩa vụ điều hành của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ này và nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ như sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty (trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông);

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý của Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động của Công ty;

g. Tuyển dụng lao động của Công ty;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyết định các giao dịch và ký kết các hợp đồng của Công ty có giá trị dưới 15% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

j. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 15% đến dưới 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Tổng giám đốc được ký sau khi đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

k. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Tổng giám đốc được ký sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;

l. Đại diện Công ty làm việc với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc các cá nhân tổ chức khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

m. Được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình và phải trị trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về việc ủy quyền đó;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị, ủy quyền/phân quyền của Hội đồng quản trị.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ nêu trên trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quy chế của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

37.2. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên khác của Ban Tổng Giám đốc

Thành viên khác của Ban Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ quản lý điều hành Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty

38.1 Hội đồng quản trị chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty đồng thời là Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. . Nhiệm kỳ của Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị Công ty tuỳ từng thời điểm.

38.2.Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

38.3. Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 38a. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

38a.1 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;

b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;

d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;

e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;

g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

h. Nội dung khác theo nhiệm vụ do Tổng Giám đốc giao.

38a.2 Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

a. Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;

b. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;

c. Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

e. Yêu cầu khác do Công ty tự quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

38a.3 Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a. Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b. Xác định rủi ro của Công ty;

c. Đo lường rủi ro;

d. Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty với một mức độ cẩn trọng mà một người bình thường phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

40.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

40.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

40.3 Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.

40.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó/ cán bộ quản lý có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu

ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi việc biểu quyết để thông qua vấn đề đó, miễn rằng các hợp đồng/giao dịch đó đáp ứng các điều kiện sau:

a. Đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các Cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, với điều kiện số Cổ đông bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này phải đạt tối thiểu 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (không bao gồm số cổ phần của các Cổ đông là người có liên quan) trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác; hoặc

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các Cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

41.1 Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

41.2 Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác với điều kiện là (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, (ii) không vi phạm Pháp luật, (iii) đúng thẩm quyền và (iv) đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Công ty và Pháp luật. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

41.3 Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc

được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Ban kiểm soát

42.1 Công ty phải có Ban kiểm soát, số thành viên của Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Kiểm soát viên của Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.

42.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

42.3 Cổ đông nắm giữ ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điều này.

42.4 Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty.
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
- Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là Kiểm soát viên, người quản lý của công ty chứng khoán khác.

42.5 Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

42.6 Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát

43.1 Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

43.2 Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị

43.3 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai thành viên.

43.4 Tổng mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn hàng năm. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

43.5 Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Kiểm soát viên phải có nghĩa vụ sau đây:

a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

43.6 Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 43.5, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

Nếu phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

44.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cập trong Điều 17.3, Điều 30.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

44.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và Cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

44.3 Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan quản lý hoạt động kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

44.4 Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Cán bộ, nhân viên và Công đoàn

Ban Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với Cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 46. Cổ tức

46.1 Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của Pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.

46.2 Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

46.3 Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

46.4 Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

46.5 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản mà Cổ đông đó đã đăng ký với Công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

46.6 Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền cổ tức mà cổ đông được nhận.

46.7 Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách hưởng quyền ("Ngày chốt danh sách"). Những Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác có tên trên danh sách Cổ đông hoặc danh sách sở hữu các chứng khoán khác vào Ngày chốt danh sách được quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông, nhận phiếu lấy ý kiến Cổ đông, nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, hưởng quyền mua, nhận cổ phiếu thưởng và tất cả các quyền có liên quan khác theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc/và Đại hội đồng Cổ đông. Ngày chốt danh sách có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 47. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

48.1 Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

48.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

48.3 Các khoản thanh toán của Công ty sẽ được thực hiện thông qua các tài khoản này hoặc theo một phương thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc/và Tổng giám đốc điều hành.

Điều 49. Trích lập các quỹ theo quy định

Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 100% mức vốn Điều lệ;

b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ bằng 5% lợi nhuận ròng cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ;

c. Quỹ dự phòng giảm giá chứng khoán;

d. Quỹ khen thưởng, phúc lợi;

e. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 51. Hệ thống kế toán

51.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

51.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

51.3 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

53.1 Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp theo quy định của pháp luật yêu cầu bắt buộc thì Báo cáo tài chính này phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

53.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

53.3 Khi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc khi pháp luật có yêu cầu bắt buộc, Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

53.4 Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

53.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định của Pháp luật và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

54.1 Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sẽ chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

54.2 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

54.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

54.4 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

54.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 55. Con dấu

55.1 Con dấu là tài sản của Công ty và được khắc theo quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị Công ty có thẩm quyền quyết định cụ thể về số lượng và hình thức con dấu Công trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật.

55.2 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

56.1 Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

56.2 Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các Cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

57.1 Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

57.2 Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

57.3 Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 58. Thanh lý

58.1 Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định trong số Cổ đông hoặc Cán bộ quản lý hoặc nhân viên của Công ty và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

58.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

58.3 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

59.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý cao cấp khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

59.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu mươi ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

59.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Án phí sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 60. Sửa đổi bổ sung Điều lệ

60.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định. Trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do phát hành thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán/phát hành theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi Điều lệ trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

60.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật (mang tính bắt buộc áp dụng) khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 61. Hiệu lực

61.1 Bản điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT nhất trí thông qua (ngày 30/6/2020) và thay thế thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây.

61.2 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty kể từ ngày Điều lệ có hiệu lực.

61.3 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc của Thư ký Công ty mới có giá trị.

Điều 62. Ký xác nhận

Điều lệ này được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHỦ TỊCH HĐQT - NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

PHẠM MINH HƯƠNG